

Số: /KH-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Thực hiện Quyết định số 389/QĐ-TTg ngày 09/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 1598/QĐ-TTg ngày 19/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch, chính sách và giải pháp thực hiện Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi tắt là Kế hoạch) trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa với các nội dung chủ yếu như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 389/QĐ-TTg ngày 09/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (gọi tắt là Quy hoạch) và Quyết định số 1598/QĐ-TTg ngày 19/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch, chính sách và giải pháp thực hiện Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh Thanh Hóa.

- Xác định các nhiệm vụ trọng tâm, phân công, giao nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố để tập trung chỉ đạo tổ chức thực hiện nhằm cụ thể hóa các nội dung trong quy hoạch ngành.

- Cập nhật nội dung vào quy hoạch tỉnh đảm bảo tuân thủ các định hướng phát triển bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh phù hợp với quy hoạch ngành; bố trí ngân sách và huy động các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định để tổ chức triển khai hiệu quả các nội dung của quy hoạch phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế, xã hội của địa phương. Lồng ghép thực hiện trong các chương trình, dự án, kế hoạch trong lĩnh vực của ngành đã được UBND tỉnh ban hành.

2. Yêu cầu

- Bám sát mục tiêu, định hướng của Quy hoạch, cụ thể hóa các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 389/QĐ-TTg ngày 09/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ để triển khai các nội dung công việc, tiến độ, giải pháp và trách nhiệm thực hiện của các cơ quan, đơn vị liên quan đảm bảo quy định.

- Trong tổ chức thực hiện phải chủ động, sáng tạo, linh hoạt, có sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các sở, ngành, địa phương.

- Thực hiện đa dạng nguồn vốn huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để triển khai thực hiện Kế hoạch hiệu quả.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Bảo vệ, bảo tồn, phát triển nguồn lợi thủy sản trên các loại hình thủy vực và bảo tồn đa dạng sinh học biển góp phần thực hiện mục tiêu Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; phát triển khai thác thủy sản bền vững, có trách nhiệm, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; giúp nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân, bảo đảm an sinh xã hội, gắn sản xuất thủy sản với bảo vệ an ninh, quốc phòng, chủ quyền biển đảo của Tổ quốc; góp phần đưa Thanh Hóa trở thành tỉnh mạnh về biển, giàu từ biển, phát triển bền vững và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Đối với bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản

- 01 khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản vùng biển, 07 khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản vùng nội địa được quản lý, khoanh vùng bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

- 03 khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn ở vùng biển; 02 khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn ở vùng nội địa; 01 khu vực cư trú nhân tạo cho loài thủy sản ở vùng biển được khoanh vùng bảo vệ khu vực tập trung sinh sản, khu vực thủy sản còn non tập trung sinh sống của các loài thủy sản.

b) Đối với khai thác thủy sản

- Tổng số phương tiện khai thác thủy sản khoảng 5.610 chiếc.

- Cơ cấu nghề: lưới kéo chiếm 5%; lưới vây chiếm 4,1%; lưới rê chiếm 27%; nghề câu chiếm 5,35%; nghề lưới chụp chiếm 4,63%; nghề lồng bẫy 9,63%, nghề khác chiếm 39,48% và nghề hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản chiếm 4,81% tổng số tàu cá.

- Tổng số lao động khai thác thủy sản giảm còn khoảng 22.500 người.

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá trên địa bàn tỉnh theo Quy hoạch hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 03/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ, đáp ứng nhu cầu ra vào, neo đậu, dịch vụ hậu cần nghề cá, đảm bảo các quy định của Luật Thủy sản, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật và các quy định về chống khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định.

3. Tầm nhìn đến năm 2050: Xây dựng ngành thủy sản tỉnh Thanh Hóa trở thành ngành kinh tế thương mại hiện đại, bền vững, có trình độ quản lý, khoa học công nghệ tiên tiến; giữ vị trí quan trọng trong cơ cấu ngành kinh tế nông nghiệp và kinh tế biển; góp phần bảo đảm an ninh thực phẩm, đảm bảo an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh, chủ quyền biển đảo Tổ quốc.

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản

a) Định hướng phát triển

- Tổ chức điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản theo chuyên đề; điều tra, đánh giá nghề cá thương phẩm trên địa bàn tỉnh làm cơ sở để sắp xếp cơ cấu, nghề khai thác tàu thuyền theo hướng phát triển đội tàu khai thác vùng khơi hiệu quả, bền vững; giảm dần cường lực khai thác vùng lộng và ven bờ, chuyển đổi các nghề xâm hại sang các nghề chọn lọc, thân thiện với môi trường và nguồn lợi.

- Tổ chức quản lý các khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh; hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho loài thủy sản có giá trị kinh tế, khoa học, loài thủy sản bản địa, loài thủy sản đặc hữu. Bổ sung danh sách nghề, ngư cụ cấm khai thác thủy sản gây nguy hại, hủy diệt nguồn lợi thủy sản, môi trường sống của loài thủy sản và hệ sinh thái thủy sinh phù hợp với thực tế hoạt động bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh.

- Phục hồi nguồn lợi thủy sản đặc biệt là các loài thủy sản có giá trị kinh tế, loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm, loài thủy sản đặc hữu, các hệ sinh thái; tăng cường công tác quản lý, đánh giá, bảo tồn, bảo vệ và hoạt động thả giống bổ sung, tái tạo, phát triển nguồn lợi thủy sản tại các thủy vực tự nhiên nội địa, hồ chứa và vùng biển ven bờ.

- Thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản; thành lập và giao quyền quản lý cho các tổ chức cộng đồng trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản đối với vùng biển ven bờ, vùng nước nội địa. Huy động sự tham gia của cộng đồng, các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp trong hoạt động bảo tồn, bảo vệ, tái tạo, phục hồi và phát triển nguồn lợi thủy sản.

- Kiện toàn hệ thống cơ quan quản lý Nhà nước, xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực chuyên môn cao về quản lý thủy sản; tăng cường năng lực hoạt

động cho lực lượng Kiểm ngư tỉnh; tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát, kịp thời phát hiện, xử lý các vi phạm trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại các thủy vực vùng nội địa và vùng biển.

- Nghiên cứu, chuyển giao sản xuất giống một số loài thủy sản bản địa, quý, hiếm, có giá trị kinh tế và khoa học để chủ động trong công tác tái tạo, phục hồi nguồn lợi thủy sản và phát triển kinh tế.

- Ứng dụng khoa học và công nghệ, chuyển đổi số trong công tác quản lý, bảo tồn, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, bảo vệ các loài rùa biển, thú biển và giảm thiểu đánh bắt không chủ ý đối với các loài thủy sản.

b) Nội dung thực hiện Quy hoạch thời kỳ 2021-2030

- Đối với vùng biển:

+ Khoanh vùng và quản lý 01 khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản vùng biển Hòn Mê.

+ Xác định 03 khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn: Vùng ven biển Quảng Xương; vùng ven biển Hòn Mê; vùng ven biển Hậu Lộc, Hoằng Hóa.

+ Hình thành 01 khu vực cư trú nhân tạo cho loài thủy sản ở vùng biển ven bờ huyện Quảng Xương.

- Đối với vùng nội địa:

+ Khoanh vùng và quản lý 07 khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản vùng nội địa: khu vực sông Lò tại ngã ba sông Lò, thị trấn Hồi Xuân, huyện Quan Hóa; khu vực suối Hòn Tra, xã Thiết Kế, huyện Bá Thước; khu vực cửa Lạch Trường, xã Hoằng Yến, huyện Hoằng Hóa; khu vực cửa Hới, xã Hoằng Châu, huyện Hoằng Hóa; khu vực gò Song trên sông Mã, xã Cẩm Bình, huyện Cẩm Thủy; khu vực hạ lưu sông Mã, xã Cẩm Giang, huyện Cẩm Thủy; khu vực cửa Lạch Sung, xã Đa Lộc, huyện Hậu Lộc.

+ Xác định 02 khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn: Lưu vực sông Mã từ hạ lưu xã Định Công, huyện Yên Định đến khu vực thượng lưu Hoằng Khánh, huyện Hoằng Hóa; lưu vực sông Mã từ ngã ba sông Luồng, Hồi Xuân đến khu vực cồn Thác Voi, xã Phú Nghiê, huyện Quan Hóa.

(Chi tiết tại Phụ lục 01 và Phụ lục 02 kèm theo).

- Thực hiện lưu trữ nguồn gen của các loài thủy sản nguy cấp, quý hiếm, loài thủy sản bản địa, đặc hữu trên địa bàn tỉnh; loài thủy sản có giá trị kinh tế và khoa học trong môi trường tự nhiên, nhân tạo và trong phòng thí nghiệm.

2. Khai thác thủy sản

a) Định hướng quy hoạch

- Điều chỉnh số lượng tàu cá khai thác thủy sản, giảm dần cường lực khai thác thủy sản tại ven bờ và vùng lộng; thực hiện chuyển đổi cơ cấu nghề khai

thác, chuyển các nghề khai thác hải sản ảnh hưởng đến nguồn lợi và môi trường sinh thái theo Kế hoạch số 284/KH-UBND ngày 20/11/2023 của UBND tỉnh; điều chỉnh tỷ trọng sản lượng khai thác giữa các vùng biển, phù hợp với trữ lượng nguồn lợi thủy sản; khai thác có chọn lọc các đối tượng thủy sản có giá trị kinh tế cao.

- Tổ chức lại sản xuất trong khai thác thủy sản, tập trung các nguồn lực nâng cấp đội tàu khai thác vùng khơi gắn với xây dựng lực lượng dân quân tự vệ biển, phát triển hình thức tổ chức sản xuất trên biển theo mô hình tổ đoàn kết trên biển, hợp tác xã, nghiệp đoàn nghề cá; các mô hình dịch vụ hậu cần nghề cá gắn với khu vực phòng thủ tuyến biển góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.

- Tăng cường liên kết theo chuỗi giá trị, ứng dụng khoa học công nghệ trong khai thác, bảo quản sau thu hoạch, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, với doanh nghiệp chế biến thủy sản làm nòng cốt, các thành phần trong chuỗi liên kết gồm tổ, đội, ngư dân trực tiếp khai thác, cơ sở thu mua tại cảng cá, thành các chuỗi liên kết từ cung ứng vật tư đến khai thác, thu mua, chế biến và tiêu thụ sản phẩm thủy sản đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các thành phần trong chuỗi, tạo thuận lợi trong truy xuất nguồn gốc hải sản khai thác hợp pháp theo quy định.

- Nâng cấp, hoàn thiện, hiện đại hóa công tác quản lý nghề cá, hệ thống giám sát tàu cá, nhật ký khai thác điện tử, thông tin liên lạc trên biển nhằm theo dõi, giám sát chặt chẽ, hiệu quả hoạt động của tàu cá trên biển, truy xuất nguồn gốc, xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác; chủ động cảnh báo, kịp thời ứng phó với các tình huống, sự cố, rủi ro, thiên tai trên biển, góp phần vào thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng an ninh trên biển.

- Quản lý chặt các cơ sở đóng mới, cải hoán tàu cá không để phát triển tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét, tàu cá làm các nghề, ngư cụ cấm theo quy định; sắp xếp cơ cấu nghề khai thác, lao động phù hợp với điều kiện tự nhiên, nguồn lợi thủy sản và đặc điểm kinh tế - xã hội của địa phương; tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục hành chính cho ngư dân, đảm bảo các tàu cá khi đi hoạt động trên biển có đầy đủ thủ tục, trang thiết bị đảm bảo an toàn.

- Ứng dụng khoa học và công nghệ, chuyển đổi số trong quản lý, hoạt động khai thác thủy sản, bảo quản sản phẩm khai thác, hiện đại hóa công tác quản lý nghề cá trên biển. Tổ chức đào tạo, tập huấn cho lao động khai thác thủy sản, thuyền trưởng và máy trưởng tàu cá.

- Phát triển đội tàu dịch vụ hậu cần nghề cá trên biển hiện đại theo hướng chuyên biệt hóa vừa làm thu mua vừa làm cung cấp nguyên vật liệu, nhiên liệu,... nhằm giảm thời gian di chuyển, kéo dài thời gian bám biển của đội tàu đánh bắt hải sản vùng khơi, qua đó tăng cường sự hiện diện của ngư dân ở vùng biển xa bờ góp phần khẳng định chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

- Khai thác hiệu quả, bền vững tiềm năng thủy sản tại các hồ tự nhiên, hồ chứa, sông, suối; gắn khai thác với bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, đa dạng sinh học, thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo đảm sinh kế cho người dân sống xung quanh thủy vực.

- Đầu tư phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng các cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão; thực hiện nạo vét định kỳ luồng lạch, đảm bảo thuận lợi cho tàu cá ra, vào cảng đáp ứng nhu cầu bốc, dỡ hàng hóa và neo đậu tránh trú bão; đảm bảo các điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm,... thực hiện các quy định về chống khai thác bất hợp pháp, giải quyết tốt vấn đề truy xuất nguồn gốc tại cảng cá và đáp ứng yêu cầu lưỡng dụng phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh trên biển.

b) Nội dung quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030

- Tàu cá khai thác thủy sản

+ Đến năm 2030, tổng số phương tiện khai thác thủy sản khoảng 5.610 chiếc, cụ thể:

++ Tàu cá theo vùng khai thác thủy sản: Vùng ven bờ (tàu cá chiều dài < 12m) khoảng 3.541 chiếc, chiếm 63,1%; vùng lộng (tàu cá chiều dài từ 12- < 15m) khoảng 955 chiếc, chiếm 17%; vùng khơi (tàu cá chiều dài \geq 15m) khoảng 1.114 chiếc, chiếm 19,9% tổng số tàu cá toàn tỉnh.

++ Tàu theo nghề khai thác thủy sản: Nghề lưới kéo là 280 chiếc, chiếm 5%; nghề lưới vây là 230 chiếc, chiếm 4,1%; nghề lưới rê là 1.515 chiếc, chiếm 27%; nghề câu là 300 chiếc, chiếm 5,35%; nghề lưới chụp là 260 chiếc, chiếm 4,63%; nghề lồng bẫy là 540 chiếc, chiếm 9,63%; nghề khác là 2.215 chiếc, chiếm 39,48%; nghề hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản là 270 chiếc, chiếm 4,81% tổng số tàu cá toàn tỉnh.

+ Cơ cấu nghề theo các vùng thủy sản đến năm 2030 như sau:

++ Vùng ven bờ: Tổng số 3.541 tàu cá bao gồm: Nghề lưới vây là 150 chiếc, chiếm 4,2%; nghề lưới rê là 1.100 chiếc, chiếm 31,1%; nghề câu là 100 chiếc, chiếm 2,8%; nghề lưới chụp là 20 chiếc, chiếm 0,6%; nghề lồng bẫy là 140 chiếc, chiếm 4%; nghề khác là 1.931 chiếc, chiếm 54,5%; nghề hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản là 100 chiếc, chiếm 2,8% tổng số tàu cá.

++ Vùng lộng: Tổng số 955 tàu cá bao gồm: Nghề lưới kéo là 180 chiếc, chiếm 18,8%; nghề lưới vây là 15 chiếc, chiếm 1,6%; nghề lưới rê là 165 chiếc, chiếm 17,3%; nghề câu là 100 chiếc, chiếm 10,5%; nghề lưới chụp là 60 chiếc, chiếm 6,3%; nghề lồng bẫy là 200 chiếc, chiếm 20,9%; nghề khác là 210 chiếc, chiếm 22 %; nghề hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản là 25 chiếc, chiếm 2,6% tổng số tàu cá vùng lộng.

++ Vùng khơi: Tổng số 1.114 tàu cá bao gồm: Nghề lưới kéo là 100 chiếc, chiếm 9%; nghề lưới vây là 65 chiếc, chiếm 5,8%; nghề lưới rê là 250

chiếc, chiếm 22,4%; nghề câu là 100 chiếc, chiếm 9%; nghề lưới chụp là 180 chiếc, chiếm 16,2%; nghề lồng bẫy là 200 chiếc, chiếm 18%; nghề khác là 74 chiếc, chiếm 6,6%; nghề hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản là 145 chiếc, chiếm 13% tổng số tàu cá vùng khơi.

- Lao động khai thác thủy sản

+ Ứng dụng khoa học và công nghệ, cơ giới hóa trên tàu cá để giảm số lượng lao động trực tiếp trên tàu cá.

+ Tổ chức đào tạo, tập huấn cho lao động khai thác thủy sản, thuyền trưởng và máy trưởng tàu cá.

- Cơ sở hạ tầng dịch vụ hậu cần khai thác thủy sản

+ Đầu tư, xây dựng, hoàn thiện các cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá gồm: cảng cá Lạch Hới và KNĐ tránh trú bão cho tàu cá tại Phường Quảng Tiến - TP Sầm Sơn; cảng cá Lạch Bạng và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá tại Phường Hải Thanh và Hải Bình - thị xã Nghi Sơn; cảng cá Hòa Lộc và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Lạch Trường, huyện Hậu Lộc và nâng cấp, mở rộng cảng cá Hoàng Trường, xã Hoàng Trường, huyện Hoàng Hóa.

+ Phát triển dịch vụ hậu cần phục vụ khai thác thủy sản trên biển, hệ thống chợ đầu mối thủy sản hỗ trợ phục vụ khai thác thủy sản.

+ Ứng dụng khoa học và công nghệ trong đóng mới tàu cá, hoạt động khai thác, bảo quản sản phẩm khai thác nhằm nâng cao hiệu quả và năng suất khai thác thủy sản.

3. Nhu cầu sử dụng đất, mặt nước đến năm 2030

- Tổng diện tích vùng biển được khoanh vùng bảo vệ nguồn lợi thủy sản và bảo tồn đa dạng sinh học khoảng 86.405 ha.

- Tổng diện tích khu vực được khoanh vùng bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên sông khoảng 2.335 ha mặt nước.

- Tổng nhu cầu sử dụng đất và mặt nước cho phát triển hệ thống cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão tối thiểu là 250 ha, trong đó nhu cầu sử dụng đất khoảng 60 ha và sử dụng mặt nước khoảng 190 ha.

IV. CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp về cơ chế, chính sách

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chính sách của Trung ương đồng thời, thực hiện tốt các chính sách của tỉnh về phát triển thủy sản.

- Nghiên cứu, xây dựng các cơ chế chính sách đặc thù phù hợp với điều kiện của địa phương, như:

+ Chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề khai thác thủy sản ảnh hưởng lớn đến nguồn lợi thủy sản, môi trường, hệ sinh thái sang các nghề khai thác thủy sản thân thiện với môi trường hoặc chuyển ra ngoài lĩnh vực khai thác; hỗ trợ

đào tạo nghề cho người lao động chuyển đổi nghề từ khai thác thủy sản sang các ngành nghề khác hoặc khai thác thủy sản gắn với các hoạt động dịch vụ khác; hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng khi thành lập khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản ven bờ và ngư trường khai thác truyền thống là các khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản, khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn.

+ Chính sách hỗ trợ thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản; chính sách khuyến khích, thu hút các tổ chức, cá nhân, đặc biệt là cộng đồng người dân tham gia đầu tư, hình thành, quản lý và phát triển các khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản và khu vực cư trú nhân tạo cho loài thủy sản.

+ Chính sách củng cố, phát triển các tổ, đội đoàn kết sản xuất trên biển; sản xuất theo chuỗi giá trị, liên kết, liên doanh, gắn kết các khâu trong quá trình sản xuất, từ khai thác, bảo quản đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

+ Chính sách đào tạo thuyền trưởng, máy trưởng, thuyền viên tàu cá; kiến thức, kỹ năng phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; kỹ thuật khai thác, bảo quản sản phẩm theo công nghệ tiên tiến trên tàu cá; hỗ trợ đào tạo cho con em ngư dân theo học tại các trường dạy nghề, cao đẳng...

2. Giải pháp về tuyên truyền, nâng cao nhận thức

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu tại các địa phương; tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật liên quan đến khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, trách nhiệm và quyền lợi của cộng đồng, đặc biệt là các đối tượng ngư dân làm nghề khai thác thủy sản và thanh thiếu niên, học sinh các cấp tại các địa phương ven biển; đồng thời huy động các tổ chức xã hội nghề nghiệp tham gia các hoạt động để đưa công tác vận động, tuyên truyền sâu rộng, từng bước nâng cao nhận thức cho cộng đồng ngư dân trong công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Nâng cao nhận thức về phòng, chống thiên tai, biến đổi khí hậu đến các cấp chính quyền, chủ phương tiện, thuyền viên và cộng đồng ngư dân.

- Sử dụng hình thức tuyên truyền phù hợp với tập quán, điều kiện và đối tượng của từng địa phương như: Ứng dụng, khai thác các lợi thế của công nghệ số, mạng xã hội, hệ thống thông tin cơ sở; xây dựng phim truyền hình, tiểu phẩm, ấn phẩm; phát thanh, truyền hình trên báo, đài của địa phương; tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về biển đảo với sự tham gia của cộng đồng người dân địa phương.

- Tổ chức các lớp tập huấn tuyên truyền các nội dung Quy hoạch, Kế hoạch, quy định về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản cho cán bộ quản lý thủy sản, cộng đồng dân cư tại các địa phương. Lồng ghép các nội dung tuyên truyền về bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản vào chương trình giảng dạy, chương trình ngoại khoá của trường học các cấp trong hệ thống giáo dục quốc gia.

- Các sở, ngành, chính quyền địa phương phối hợp với các tổ chức chính trị xã hội, nghề nghiệp trên cả nước, đặc biệt là các tổ chức tôn giáo đẩy mạnh tuyên truyền đến các tăng ni, phật tử và cộng đồng người dân, cộng đồng doanh nghiệp tham gia thả phóng sinh các đối tượng thủy sản phù hợp trong các dịp lễ, tết hàng năm vào các thủy vực nhằm tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản.

3. Giải pháp về tài chính, đầu tư

- Xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư và ưu tiên nguồn kinh phí để đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng nghề cá tại các cảng cá, khu cư trú nhân tạo cho loài thủy sản ở biển theo Quy hoạch,... đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính hỗ trợ nhà đầu tư, cải thiện môi trường đầu tư; hỗ trợ các nhà đầu tư tiếp cận các chính sách hỗ trợ đầu tư theo các chính sách ưu đãi đầu tư hiện hành.

- Cân đối, bố trí nguồn tài chính phù hợp theo quy định pháp luật để đáp ứng nhu cầu cho quản lý, xây dựng và phát triển các khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản; thiết lập các khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản; nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ; đào tạo nguồn nhân lực, đầu tư xây dựng cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảm bảo an toàn ứng phó với thiên tai đầu tư theo Kế hoạch. Thường xuyên rà soát, đánh giá thực tế nhu cầu để đề xuất, điều chỉnh hợp lý, đảm bảo đầu tư tập trung, có trọng tâm, trọng điểm phù hợp với khả năng bố trí nguồn lực.

- Huy động từ các thành phần kinh tế: Tạo cơ chế, chính sách đồng bộ để thu hút vốn đầu tư từ các doanh nghiệp vào lĩnh vực thủy sản; xây dựng và tổ chức thực hiện mô hình hợp tác công - tư (PPP) trong đầu tư các lĩnh vực thủy sản; đẩy mạnh thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư và khai thác các công trình cảng cá, luồng lạch, khu neo đậu tránh trú bão trên địa bàn tỉnh.

- Nguồn vốn tín dụng: Tạo điều kiện các doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn vay với lãi suất ưu đãi; chuyển hướng việc ngân sách Nhà nước hỗ trợ trực tiếp cho người sản xuất thủy sản sang hỗ trợ lãi suất tín dụng.

- Thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI): Có chính sách khuyến khích thu hút đầu tư nước ngoài, cải thiện môi trường đầu tư; tranh thủ các nguồn vốn hỗ trợ, tài trợ của các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản; phục hồi, bảo vệ rừng ngập mặn và các khu neo đậu tránh trú bão để phòng tránh, giảm nhẹ rủi ro thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

4. Giải pháp về khoa học và công nghệ

- Áp dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, tự động hóa, xây dựng cơ sở hạ tầng dữ liệu số, trí tuệ nhân tạo trong quản lý các hoạt động bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản.

- Nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ nhằm bảo tồn và phát triển các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm; loài thủy sản đặc hữu; loài thủy sản có giá trị kinh tế và các hệ sinh thái biển đặc thù.

- Nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao sử dụng tiết kiệm nhiên liệu, vật liệu thân thiện với môi trường (ứng dụng năng lượng mặt trời, gió hoặc từ sóng biển, sử dụng đèn tiết kiệm điện...) trong khai thác và bảo quản sản phẩm thủy sản; đóng vỏ tàu bằng các vật liệu mới, ngư cụ chọn lọc để tăng năng suất, chất lượng và giảm sức lao động, rủi ro.

5. Giải pháp về bảo vệ môi trường

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản; các dự án đầu tư hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản ở biển đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Quan trắc, dự báo và kiểm soát môi trường sống của các loài thủy sản, kịp thời phát hiện, xử lý ô nhiễm, suy thoái môi trường trên các thủy vực nội địa và vùng biển.

6. Giải pháp về đào tạo, tăng cường năng lực

- Đào tạo, bồi dưỡng, bổ sung nguồn nhân lực cho cơ quan quản lý chuyên ngành thủy sản từ cấp tỉnh đến địa phương trong lĩnh vực bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản. Trang bị cơ sở vật chất, trang thiết bị chuyên dùng để tăng cường công tác quản lý nghề cá, góp phần bảo đảm an ninh, an toàn và chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.

- Đầu tư, nâng cao năng lực về nghiên cứu khoa học, công nghệ và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực nâng cao, có chuyên môn sâu trong lĩnh vực bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản cho các viện nghiên cứu, trường đào tạo, ban quản lý các khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản và các tổ chức, đơn vị có liên quan.

- Đào tạo, nâng cao năng lực cho ngư dân, phát triển nguồn nhân lực tham gia khai thác thủy sản có trách nhiệm tại các huyện, thị xã, thành phố ven biển.

7. Giải pháp về hợp tác quốc tế

Xây dựng chương trình, dự án thu hút vốn đầu tư nước ngoài chất lượng cao (ODA, FDI) và tích cực tham gia hoạt động đa phương, song phương thu hút các hoạt động hợp tác từ các nước, các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ nhằm tăng cường phát triển nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng nghề cá, thực hiện đồng quản lý.

8. Bảo đảm quốc phòng, an ninh

Các dự án thuộc Kế hoạch triển khai Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản phải kết hợp chặt chẽ với bảo đảm quốc phòng, an ninh không ảnh hưởng đến nhiệm vụ quân sự, quốc phòng; đẩy mạnh tổ chức sản xuất theo tổ đội sản xuất trên biển kết hợp với mô hình dân quân tự vệ trên biển, tăng cường tuyên truyền, giáo dục về chính sách, pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản cho các doanh nghiệp và người dân, bảo đảm việc khai thác thủy sản trên biển gắn bảo vệ chủ quyền biển đảo.

V. CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ƯU TIÊN: *(Chi tiết tại Phụ lục 03 kèm theo)*

VI. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch do ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương đảm bảo theo quy định, được phân bổ từ các nguồn vốn đầu tư phát triển trong kế hoạch vốn đầu tư trung hạn, kinh phí sự nghiệp giai đoạn 2025 - 2030 và kinh phí lồng ghép từ các chương trình, đề án, dự án khác.

- Nguồn kinh phí vận động, huy động từ các nhà tài trợ, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

- Nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Tổ chức phổ biến rộng rãi nội dung Quy hoạch, Kế hoạch đến các sở, ngành, các cấp chính quyền địa phương và người dân biết, thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện Quy hoạch, Kế hoạch. Tăng cường thực hiện các hoạt động điều tra để cung cấp số liệu phục vụ lập, điều chỉnh kế hoạch, quy hoạch.

- Chủ trì, phối hợp thực hiện và chủ động lồng ghép với các chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện đề án, quy hoạch, chiến lược phát triển ngành thủy sản của trung ương và địa phương đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của Quy hoạch, Kế hoạch đã đề ra.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức quản lý khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản vùng biển và khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn ở vùng biển theo quy định.

- Tổ chức triển khai các dự án ưu tiên được phê duyệt tại Kế hoạch bảo đảm hiệu quả, khả thi, theo đúng quy định, đúng quy hoạch đã phê duyệt.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch; báo cáo, đánh giá tình hình triển khai Kế hoạch; rà soát, điều chỉnh kế hoạch theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện trong đó đảm bảo nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực trong việc bảo vệ, bảo tồn, phát triển nguồn lợi thủy sản; thực hiện có hiệu quả các nội dung của Kế hoạch.

2. Sở Tài chính

- Trên cơ sở Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt, tham mưu cho cấp có thẩm quyền bố trí vốn đầu tư phát triển để thực hiện các nội dung đầu tư thuộc Kế hoạch phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công.

- Rà soát, cập nhật; phối hợp kiểm tra, giám sát các nội dung tại Quy hoạch được phê duyệt tại Quyết định số 389/QĐ-TTg ngày 09/5/2024 đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh.

- Trên cơ sở đề xuất của các sở, ngành, đơn vị liên quan thẩm định, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí; lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình, Đề án, Kế hoạch được duyệt phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách Nhà nước để thực hiện Kế hoạch.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

Định kỳ hằng năm thông báo định hướng phát triển khoa học và công nghệ ưu tiên của tỉnh để các cơ quan, tổ chức, cá nhân đề xuất nhiệm vụ KH&CN trong đó có các nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ về bảo vệ, tái tạo, phát triển nguồn lợi thủy sản và khai thác, bảo quản sản phẩm thủy sản theo định hướng của Quy hoạch; bảo vệ và phát triển các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm, loài thủy sản bản địa.

4. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường triển khai các chính sách, giải pháp thúc đẩy, phát triển, mở rộng thị trường, xúc tiến thương mại cho các sản phẩm khai thác thủy sản trong và ngoài tỉnh.

5. Công an tỉnh

Thực hiện quản lý nhà nước về an ninh, trật tự an toàn xã hội, tổ chức phòng ngừa, đấu tranh, xử lý vi phạm pháp luật trên lĩnh vực thủy sản nói chung, trong đó có hoạt động khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản; bảo đảm an ninh kinh tế, an ninh chủ quyền biển đảo và lợi ích quốc gia trên địa bàn tỉnh.

6. Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ đội biên phòng tỉnh

Phối hợp với các sở, ngành địa phương thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ, quản lý, thực thi pháp luật trên các vùng biển, đảo, tạo điều kiện thuận lợi cho triển khai các chương trình, dự án bảo tồn, bảo vệ, khai thác thủy sản; thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn, ngăn chặn tàu cá, ngư dân khai thác thủy sản bất hợp pháp ở vùng biển trong nước và nước ngoài.

7. Các sở, ban, ngành liên quan: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tích cực, chủ động phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo, triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch, đảm bảo hoàn thành mục tiêu đề ra ở mức cao nhất trong thời gian sớm nhất.

8. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi nội dung Quy hoạch, Kế hoạch; thực hiện Kế hoạch tại địa phương.

- Xây dựng kế hoạch và bố trí ngân sách và huy động các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định để triển khai hiệu quả các nội dung của Kế hoạch phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức quản lý khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản vùng nội địa và khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn vùng nội địa theo quy định.

- Căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, rà soát, điều chỉnh, xây dựng các quy hoạch, kế hoạch, các dự án trên địa bàn địa phương bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch, Kế hoạch này. Xây dựng kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện trong đó đảm bảo nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực trong việc bảo vệ, bảo tồn, phát triển nguồn lợi thủy sản tại địa phương.

- Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, kế hoạch, đề án, dự án, chương trình liên quan đến bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản phù hợp với mục tiêu Quy hoạch.

9. Các hội, hiệp hội, tổ chức, các nhân có liên quan (Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, ...): Tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa công tác thông tin, tuyên truyền, vận động tới các cá nhân, gia đình các chủ tàu, thuyền trưởng, ngư dân, cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá, cơ sở chế biến thủy sản, nuôi trồng thủy sản, ... chấp hành nghiêm các quy định pháp luật thủy sản, tuyên truyền các mục tiêu, nhiệm vụ giải pháp của Kế hoạch, Quy hoạch./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ NN&MT (để b/c);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- MTTQVN tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các sở, ngành, đơn vị trong tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

Phụ lục 1: DANH MỤC CÁC KHU BẢO VỆ NGUỒN LỢI THỦY SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Kế hoạch số 46 /KH-UBND ngày 13/ 3 /2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tên khu vực	Huyện/ Thị xã/ Thành phố	Phạm vi, ranh giới, tọa độ	Diện tích (ha)	Đối tượng thủy sản chính cần bảo vệ
1	Khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản vùng biển Hòn Mê	Thị xã Nghi Sơn	Vùng nước giới hạn bởi các điểm: V16a (19° 23' 38" N, 105° 53' 31" E) V16b (19° 23' 33" N, 105° 57' 10" E) V16c (19° 19' 56" N, 105° 57' 16" E) V16d (19° 18' 48" N, 105° 55' 37" E) V16e (19° 18' 48" N, 105° 53' 22" E) V16f (19° 21' 35" N, 105° 51' 21" E)	6.717	Hệ sinh thái rạn san hô.
2	Khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản khu vực sông Lò tại ngã ba sông Lò - sông Mã, thị trấn Hôi Xuân, huyện Quan Hóa	Huyện Quan Hóa	Vùng nước giới hạn bởi các điểm: V45a (20°22'43.66"N; 105°06'13.92"E) V45b (20°22'40.32"N; 105°06'11.36"E) V45c (20°23'20.44"N; 105°05'38.81"E) V45d (20°23'13.60"N; 105°05'37.46"E)	19	Cá Chép <i>Procypris merus</i> , Cua súi <i>Somanniathelphusa brandti</i> , cá Bống <i>Spinibarbus denticulatus</i> , cá Thàn <i>Spinibarbus sinensis</i> , cá Cầy <i>Paraspinibarbus macracanthus</i> , Cá Ngạnh <i>Cranoglanis boudierius</i> , cá Lăng chằm <i>Hemibagrus guttatus</i> , cá Vền <i>Megalobrama terminalis</i> , cá Trắm đen <i>Mylopharyngodon piceus</i>
3	Khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản khu vực suối Hòn Tra, xã Thiết Kế, huyện Bá Thước	Huyện Bá Thước	Vùng nước giới hạn bởi các điểm: V46a (20°17'57.01"N; 105°09'58.25"E) V46b (20°17'53.75"N; 105°09'55.64"E) V46c (20°19'06.62"N; 105°12'36.34"E) V46d (20°19'06.35"N; 105°12'30.35"E)	150	Cá Chiên <i>Bagarius rutilus</i> , cá Chép <i>Procypris merus</i> , Cua súi <i>Somanniathelphusa brandt</i> , cá Bống <i>Spinibarbus denticulatus</i> , cá Thàn <i>Spinibarbus sinensis</i> , cá Chiên bắc <i>Bagarius rutilus</i> , cá Rằm xanh <i>Bangana lemassoni</i>

4	Khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản Khu vực cửa Lạch Trường, xã Hoàng Yên, huyện Hoàng Hóa	Huyện Hoàng Hóa	Vùng nước giới hạn bởi các điểm: V47a (19°53'16.64"N; 105°56'19.94"E) V47b (19°53'14.87"N; 105°56'26.82"E) V47c (19°53'33.75"N; 105°56'24.42"E) V47d (19°53'33.62"N; 105°56'19.78"E)	10	Cá Úc <i>Arius sinensis</i> , cá Mú Sao <i>Epinephelus trimaculatus</i> , cá Nhệch <i>Pisodonophis boro</i> , cua Ra <i>Eriocheir sinensis</i>
5	Khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản khu vực cửa Hới, xã Hoàng Châu, huyện Hoàng Hóa	Huyện Hoàng Hóa	Vùng nước giới hạn bởi các điểm: V48a (19°47'17.92"N; 105°55'28.67"E) V48b (19°47'16.63"N; 105°55'25.96"E) V48c (19°47'40.61"N; 105°54'19.49"E) V48d (19°47'39.23"N; 105°54'19.88"E)	23	Cá Úc <i>Arius sinensis</i> , cá Mòi cờ hoa <i>Clupanodon thrissa</i> , Cá Nhệch <i>Pisodonophis boro</i> , cua Ra <i>Eriocheir sinensis</i>
6	Khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản khu vực gò Song, xã Cẩm Bình, huyện Cẩm Thủy	Huyện Cẩm Thủy	Vùng nước giới hạn bởi các điểm: V49a (20°14'05.27"N; 105°26'44.50"E) V49b (20°14'04.33"N; 105°26'39.45"E) V49c (20°13'43.11"N; 105°26'46.77"E) V49d (20°13'42.84"N; 105°26'42.77"E)	10	Cá Chiên <i>Bagarius rutilus</i> , cá Lăng chằm <i>Hemibagrus guttatus</i> , cá Chạch sông <i>Mastacembelus armatus</i> , cá Bống <i>Spinibarbus denticulatus</i>
7	Khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản khu vực hạ lưu, Cẩm Giang, huyện Cẩm Thủy	Huyện Cẩm Thủy	Vùng nước giới hạn bởi các điểm: V50a (20°14'18.62"N; 105°24'47.64"E) V50b (20°14'20.24"N; 105°24'42.25"E) V50c (20°14'48.62"N; 105°25'46.87"E) V50d (20°14'42.84"N; 105°25'45.48"E)	44	Cá Chiên <i>Bagarius rutilus</i> , cá Chạch sông <i>Mastacembelus armatus</i> , cá Ngạnh <i>Cranoglanis boudierius</i> , cá Lăng chằm <i>Hemibagrus guttatus</i>
8	Khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản khu vực cửa Lạch Sung, Đa Lộc, huyện Hậu Lộc	Huyện Hậu Lộc	Vùng nước giới hạn bởi các điểm: V51a (19°56'56.21"N; 106°00'08.63"E) V51b (19°56'58.28"N; 106°00'15.16"E) V51c (19°58'11.75"N; 105°59'27.51"E) V51d (19°58'08.59"N; 105°59'28.93"E)	58	Cá Úc <i>Arius sinensis</i> , cua Ra <i>Eriocheir sinensis</i>

**Phụ lục 02: DANH MỤC KHU VỰC CẤM KHAI THÁC THỦY SẢN CÓ THỜI HẠN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, THỜI KỲ 2021 - 2030**

(Kèm theo Kế hoạch số 46 /KH-UBND ngày 13 / 3 /2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tên khu vực	Phạm vi	Thời gian cấm	Diện tích (ha)
1	Vùng ven biển Quảng Xương	Huyện Quảng Xương	01/4-30/5; 01/8/-31/8	28.010
2	Vùng ven biển Hòn Mê	Thị xã Nghị Sơn	01/3-31/7	31.910
3	Vùng ven biển Hậu Lộc, Hoằng Hóa	Huyện Hậu Lộc, Hoằng Hóa	01/4-30/6	18.750
4	Khu vực từ hạ lưu Định Công, huyện Yên Định đến khu vực thượng lưu Hoằng Khánh, huyện Hoằng Hóa (Sông Mã)	Huyện Yên Định, Hoằng Hóa	15/3 -30/6	1.053
5	Khu vực từ ngã ba sông Luông, Hội Xuân đến khu vực cồn Thác Voi, xã Phú Nghiêm, huyện Quan Hóa (Sông Mã)	Huyện Quan Hóa	01/4/-31/7	968

Phụ lục 3: DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ƯU TIÊN VÀ PHÂN KỲ THỰC HIỆN
(Kèm theo Kế hoạch số 46 /KH-UBND ngày 13/ 3/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Phân kỳ đầu tư	Nguồn vốn		Nguồn vốn hợp pháp khác
				Chi thường xuyên	Chi đầu tư	
1	Dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản ven bờ Quảng Xương	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026 - 2030		X	X
2	Điều tra, xác định bổ sung khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026 - 2030	X		